

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 02, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Trần Hải Ph, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 02, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (*Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Ph vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Trần Thị H và anh Trần Hải Ph đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ph thường xuyên rượu chè về nhà chửi bới vợ con, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. chị H cố nhịn để hàn gắn hạnh phúc, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm cho gia đình mất hạnh phúc. Từ đó chị H thấy chồng không quan tâm đến chị H và gia đình, cuộc sống vợ chồng không êm ấm nên chị H đã bỏ về gia đình cha mẹ ruột để sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau và cũng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc của gia đình. Từ ngày vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân kéo dài cho đến nay, chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hải Ph.

Về nuôi con chung: Chị H và anh Ph có 02 con chung là Trần Kim Ph1, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2001; Trần Kim Y, sinh ngày: 22/02/2005. Cháu Ph1 đã trưởng thành, còn cháu Y chị H xin được nuôi và không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Hải Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Chị H và anh Ph có 02 con chung là Trần Kim Ph1, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2001; Trần Kim Y, sinh ngày: 22/02/2005. Cháu Phụng đã trưởng thành, cháu Y có nguyện vọng ở với chị H vì vậy giao cho chị H tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận sự tự nguyện của chị H và không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh Ph sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay chị H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Ph là Tổ 02, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ph đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh Ph trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, từ năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, mặc dù chị H cố gắng hàn gắn cuộc sống vợ chồng, nhưng vẫn không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ph không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, chỉ biết ăn nhậu về nhà gây chuyện đánh đập vợ con, khi chị H khuyên nhủ thì hành hung đánh đập chị H, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân tẻ nhạt, nặng nề, căng thẳng không hạnh phúc. Từ đó chị H thấy buồn chán, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không đạt được, nên chị H bỏ về bên nhà gia đình cha mẹ ruột để sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến việc đoàn tụ để tạo lại dựng hạnh phúc về với nhau, từ đó vợ chồng cũng không gặp nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc của gia đình. Cho đến nay chị H xét thấy cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con nên yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị H, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Ph để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng anh Ph vẫn cố tình không đến không lý do, điều đó chứng tỏ anh Ph không có thiện chí để đoàn tụ với chị H để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị H và anh Ph là có thật đã xảy ra từ năm 2018 và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay đã trải qua một thời gian dài khá lâu nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc của gia đình.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Ph ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh Ph.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Ph có 02 con là Trần Kim Ph1, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2001; Trần Kim Y, sinh ngày: 22/02/2005. Cháu Trần Kim Ph1 đã trưởng thành, còn cháu Trần Kim Y có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu là con gái chị H cũng có nguyện vọng nuôi con chung vì vậy nghĩ giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Chị H không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Hải Ph.

2. Về nuôi con chung: Chị H và anh Ph có 02 con chung là Trần Kim Ph1, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2001; Trần Kim Y, sinh ngày: 22/02/2005. Cháu Trần Kim Ph1 đã trưởng thành, giao cháu Trần Kim Y cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0001452 ngày 20 tháng 5 năm 2020; Chị Trần Thị H đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-9-2020) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã BB, CD.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÀO TRỌNG HẢI